

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ TRẮNG BÀNG  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 08 – 11 – 2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Yến.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Ái Hoà;

Ông Ngô Minh Lý.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Hoàng Liêm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị **L. B. H**, sinh năm 1981; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh An Giang; địa chỉ đăng ký tạm trú: khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* anh **N. V. H**, sinh năm 1978; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh An Giang; địa chỉ đăng ký tạm trú: khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị L. B. H trình bày:*

Chị và anh N. V. H chung sống với nhau từ năm 2001, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã Z, huyện Y, tỉnh An Giang. Sau khi cưới, chị và anh H làm ăn, sinh sống tại ấp X, xã Z, huyện Y, tỉnh An Giang, đến khoảng năm 2016 thì vợ chồng chuyển đến thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh sinh sống và làm việc. Vợ chồng chị chung

sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do chị phát hiện anh H có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Sau khi biết sự việc chị đã yêu cầu anh H chấm dứt mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ đó nhưng anh H trả lời đã hết duyên nợ với chị và chọn người phụ nữ đó nên chị và con trai chuyển qua phòng trọ sống cùng với mẹ ruột của chị từ đầu năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh H vẫn giữ mối quan hệ tình cảm với người khác, không tôn trọng chị nên vợ chồng không hàn gắn tình cảm được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: chị và anh H có 02 người con chung tên N. T. C. L, sinh ngày 09/12/2001 và N. M. K, sinh ngày 15/9/2010. Cháu L đã thành niên và có khả năng tự lao động để sinh sống nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị yêu cầu được nuôi cháu K, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 14/6/2021, bị đơn anh N. V. H trình bày:*

Anh H thống nhất lời trình bày của chị H về thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Anh H không thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn như lời trình bày của chị H. Anh cho rằng mâu thuẫn của vợ chồng là do anh thường tổ chức uống rượu với bạn bè vào cuối tuần, chị H không hài lòng nên vợ chồng có xảy ra cãi vã và chị H chuyển sang phòng trọ của mẹ ruột ở đầu năm 2021 đến nay. Từ lúc vợ chồng xảy ra mâu thuẫn bản thân anh đã thuyết phục chị H rất nhiều lần nhưng anh chưa nói hết câu thì chị H cãi lại anh dẫn đến vợ chồng lại xảy ra cãi vã nên hai bên không tự hoà giải được. Mâu thuẫn của vợ chồng anh cũng được gia đình bên vợ đứng ra khuyên can, hoà giải nhưng không có kết quả, chị H vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh. Nay anh vẫn còn thương vợ, thương con nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được đoàn tụ.

Về con chung: anh H không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: anh H không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

*Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:*

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết vụ án: căn cứ các Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị L. B. H đối với anh N. V. H. Về con chung: giao cháu N. M. K, sinh ngày 15/9/2010 cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ghi nhận chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Con chung tên N. T. C. L, sinh ngày 09/12/2001 đã thành niên nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra giải quyết. Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng: nguyên đơn chị L. B. H và bị đơn anh N. V. H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh H là phù hợp theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh H chung sống từ năm 2001, do tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn. Vì vậy, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh, chị chung sống đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không chung thủy, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Anh H không thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn như chị H trình bày mà cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do cuối tuần anh thường tổ chức uống rượu với bạn bè, chị H không hài lòng nên vợ chồng xảy ra cãi vã, nay anh vẫn còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Xét thấy, mặc dù chị H và anh H không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn nhưng giữa anh, chị đã không có sự tin tưởng về tình cảm và không còn sống chung một nhà từ đầu năm 2021 cho đến nay. Anh H đã biết chị H không hài lòng khi anh tổ chức uống rượu với bạn bè nhưng từ lúc chị H nộp đơn khởi kiện đến nay anh vẫn tiếp tục đi uống rượu. Bản thân anh yêu cầu Tòa án hoà giải cho vợ chồng được đoàn tụ nhưng anh lại có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, anh cũng không đưa ra được giải pháp gì để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Điều này chứng tỏ anh không có thiện chí đoàn tụ, không còn tôn trọng và quan tâm đến quan hệ vợ chồng giữa anh và chị H. Mặt khác, anh H cũng cho rằng giữa anh và chị H không có tiếng nói chung nên mỗi lần vợ chồng nói chuyện lại xảy ra cãi vã và không thể tự hoà giải được. Mâu thuẫn giữa anh và chị H đã được mẹ vợ đứng ra hoà giải nhưng vẫn không có kết quả. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa chị H và anh H không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: anh, chị chung sống có 02 người con chung tên N. T. C. L, sinh ngày 09/12/2001 và N. M. K, sinh ngày 15/9/2010. Chị H yêu cầu được

tiếp tục nuôi dưỡng cháu N. M. K còn anh H không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì về con chung. Qua tham khảo ý kiến của cháu K thì cháu K có nguyện vọng được sống với chị H. Do đó, cần giao cháu K cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Con chung tên N. T. C. L đã thành niên và có khả năng tự lao động để sinh sống, chị H không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị H, anh H không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị L. B. H đối với anh N. V. H. Chị L. B. H được ly hôn với anh N. V. H.

2. Về con chung: giao cháu N. M. K, sinh ngày 15/9/2010 cho chị L. B. H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Con chung tên N. T. C. L, sinh ngày 09/12/2001, đã thành niên và có khả năng tự lao động để sinh sống nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị H, anh H không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí: chị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0015158 ngày 01 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận chị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: chị H, anh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND T. Tây Ninh;
- VKSND TX. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- Ủy ban nhân dân xã Z, huyện Y, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phạm Thị Yến**